

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BGI
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05 tháng 5 năm 2022
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BGI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vượng.

2. Bà Hoàng Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BGI tham gia phiên tòa:

Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BGI xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Tăng Thị L1, sinh năm 1986.

HKTT: Thôn VS, xã TT, thành phố BGI, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn ThC, xã TT, thành phố BGI, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Lã Văn H1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn VS, xã TT, thành phố BGI, tỉnh Bắc Giang.

(Chị L1, anh H1 đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn là chị Tăng Thị L1 trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Lã Văn H1 kết hôn với nhau từ ngày 06/11/2006. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu và được hai

bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT , huyện YD (nay là thành phố BGi), tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới, chị về chung sống cùng gia đình chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Đến năm 2010 do hoàn cảnh khó khăn nên chị đi xuất khẩu lao động, vợ chồng sống thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1 .

- Về con chung: Chị và anh H1 có một con chung là cháu Lã Thành L1 , sinh ngày 31/7/2007. Sau khi ly hôn, vợ chồng chị thoả thuận để anh H1 nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị và anh H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh H1 không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là Lã Văn H1 trình bày : Anh H1 trình bày về quan hệ hôn nhân như chị L1 . Tuy nhiên, anh xác định vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì, nhưng chị L1 xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị L1 có một con chung là cháu Lã Thành L1 , sinh ngày 31/7/2007. Sau khi ly hôn, vợ chồng anh thoả thuận để anh nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh và chị L1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 30/3/2022, đối với ông Dương Công Đ1, trưởng thôn VS , xã TT , thành phố BGi cung cấp như sau: Anh H1 , chị L1 có được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới chị L1 về chung sống với gia đình anh H1 . Vợ chồng anh H1 , chị L1 chung sống với nhau đến năm 2010 thì chị L1 đi xuất khẩu lao động, hai vợ chồng không chung sống với nhau từ đó. Việc mâu thuẫn giữa anh H1 và chị L1 như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Anh H1 và chị L1 có 01 người con chung là cháu Lã Thành L1 hiện nay đang ở cùng anh H1 .

* Tại biên bản làm việc ngày 10/3/2022 đối với bà Lê Thị Thuật trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Tăng Thị L1 và là mẹ vợ của anh Lã Văn H1 . Năm 2006, chị Tăng Thị L1 kết hôn với anh Lã Văn H1 , có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT , huyện YD (nay là thành phố BGi), tỉnh Bắc Giang; được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán ở địa phương. Sau khi kết hôn, chị L1 về chung sống cùng gia đình chồng tại thôn VS , xã TT , thành phố BGi . Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn thì bà có nghe chị L1 nói lại do vợ chồng không có tình cảm, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Đến năm 2010 do hoàn cảnh khó khăn thì chị L1 đi xuất khẩu lao động, vợ chồng sống ly thân từ đó. Đến năm 2021 chị L1 đi xuất khẩu lao động về thì cũng về nhà bà ở, khi chị L1 về thì anh H1 cũng không sang nói chuyện hay đón chị L1 về ở chung. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cũng được gia đình hoà giải, động viên nhưng không có kết quả. Nay chị L1 làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh H1 thì bà đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh chị về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái nên người. Trường hợp chị L1 vẫn cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Vợ chồng chị L1 , anh H1 có một con chung là Lã Thành L1 , sinh ngày 31/7/2007. Trường hợp chị L1 , anh H1 ly hôn thì đề nghị Toà án giao con chung cho ai cũng được, miễn là đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BGi phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 09; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tăng Thị L1 được ly hôn với anh Lã Văn H1 .

+ Về con chung: Giao cháu Lã Thành L1 , sinh ngày 31/7/2007 cho anh H1 nuôi dưỡng, chăm sóc. Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị L1 phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Lã Văn H1 có hộ khẩu thường trú tại thôn VS , xã TT , thành phố BGi , tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân thành phố BGi thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa chị L1 và anh H1 là đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị L1 , anh H1 đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và quy định tại Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L1 và anh H1 kết hôn ngày 06/11/2006 trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn, hai bên có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT , huyện YD (nay là thành phố BGi), tỉnh Bắc Giang và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Chị L1 xác định vợ chồng chung sống có mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Tại bản tự khai anh H1 xác định hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, chị L1 xin ly hôn thì anh H1 đồng ý. Tại biên bản xác minh với bà Lê Thị Thuật cũng xác định vợ chồng anh chị mâu thuẫn hai bên gia đình đã hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành. Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể hòa giải đoàn tụ gia đình, nên cần

chấp nhận yêu cầu của chị L1 và xử cho chị L1 được ly hôn anh H1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị L1, anh H1 có một con chung là cháu Lã Thành L1, sinh ngày 31/7/2007. Sau khi ly hôn, chị L1 có thỏa thuận để anh H1 nuôi dưỡng con chung, anh H1 cũng đồng ý. Tại biên bản lấy lời khai của cháu L1, cháu L1 có nguyện vọng được ở cùng với anh H1. Hội đồng xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị L1 giao cháu L1 cho anh H1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L1 phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tăng Thị L1 được ly hôn anh Lã Văn H1.
2. Về con chung: Giao cháu Lã Thành L1, sinh ngày 31/7/2007 cho anh Lã Văn H1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L1 có quyền thăm nom con chung mình không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở chị L1 thực hiện quyền này.
3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.
4. Về án phí: Chị Tăng Thị L1 phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xác định chi L1 đã nộp đủ số tiền 300.000đồng theo Biên lai thu số 0001386 ngày 23 năm 02 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BGi, tỉnh Bắc Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Bắc Giang;
- CCTHADS TP. Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã TT ; TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

(Đã ký)

Dương Đình Hưng